

Bảng 1: Mạng lưới trạm quan trắc thủy văn

STT	Trạm	Sông	F(Km ²)	Yếu tố	Thời kỳ đo
1	Đon Dương	Đa Nhim	775	Q, H	1934-nay (tiếp tục, từ 1964 có hồ Đon Dương)
2	Thanh Bình	Cam Ly	294	Q, H, r	1980-nay (tiếp tục, có hồ Ankroet và hồ Xuân Hương)
3	Tà Lại	Đồng Nai	8.850	Q, H, r	1987-nay (tiếp tục)
4	Trị An	Đồng Nai	14.025	Q, H	1978-1986 (từ 1988 có hồ Trị An)
5	An Viễn*	Lá Buông	264	Q, H	1978-2000 (ngưng hoạt động từ 2001)
6	Đại Nga	Dargna	373	Q, H	1978-nay (tiếp tục)
7	Tà Pao	La Ngà	2.000	Q, H, ρ	Q, H đo từ 1960-1964.1973-1974.1976-2005; ρ đo từ 1997-nay (tiếp tục, từ 2001 có hồ Hàm Thuận-Đa Mi)
8	Phú Điền	La Ngà	3.060	Q, H	1987-nay (tiếp tục, từ 2001 có hồ Hàm Thuận-Đa Mi)
9	Phước Long	Bé	2.015	Q, H	1974-nay (tiếp tục, từ 1994 có hồ Thác Mơ)
10	Phước Hòa	Bé	5.765	Q, H, ρ	Q, H đo từ 1976-nay; ρ đo từ 2004 (tiếp tục, từ 1994 có hồ Thác Mơ)
11	Lộc Ninh	Sinh Đôi	500	Q, H	1974-1983 (từ 1983 có hồ Dầu Tiếng)
12	Dầu Tiếng	Sài Gòn	2.700	Q, H	1976-1981 (từ 1983 có hồ Dầu Tiếng)
13	Phú An	Sài Gòn		H	1977-nay (tiếp tục)
14	Cần Đăng	ZVàm Cỏ Đông	617	Q, H	1974-nay (tiếp tục)